

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoàn và ông Hoàng Văn Khảm

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Hải Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2024/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2024 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L trên cơ sở được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 15/3/2010. Sau ngày cưới chị về làm dâu ngay. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường đến năm 2013, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xúc phạm lẫn nhau. Anh chị dàn xếp nhiều lần nhưng không thành mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ tháng 02/2023, anh chị tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Đến tháng 11/2023 anh chị sống ly thân nhau và cắt đứt mọi quan hệ đến nay. Chị xét thấy tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Tại phiên tòa, chị H xác định, thời điểm đăng ký kết hôn, anh chị đều còn trẻ và không hiểu biết pháp luật nên đã khai nhận anh L sinh ngày 22/8/1990 để đủ tuổi đăng ký kết hôn, thực tế anh L sinh ngày 02/8/1991. Do vậy đề nghị Tòa án hủy hôn nhân trái pháp luật.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị H xác định, có 03 con là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 28/02/2011, Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12/8/2013 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 09/5/2016, cả 03 cháu đang sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con. Yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ/tháng/cháu. Tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh Liên cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Nguyễn Văn L đã được Tòa án làm các thủ tục triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh L nhận được văn bản của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ cung cấp: Ngày 15/3/2010, anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/8/1991 và chị Trần Thị H, sinh ngày 07/11/1991 đến Ủy ban nhân dân xã Đ đăng ký kết hôn. Tại sổ đăng ký kết hôn quyển số 02/2010, số thứ tự 32 ngày 15/3/2010, thể hiện anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/8/1990, có thể do sai sót nên năm sinh của anh Nguyễn Văn L thể hiện trong Sổ đăng ký kết hôn sai lệch so với các giấy tờ tùy thân khác, tuy nhiên chỉ là 01 người. Thực tế anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/8/1991, tính đến thời điểm kết hôn, anh L chưa đủ tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Ủy ban nhân dân xã Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Cho chị H được ly hôn anh L; giao cho chị H được tiếp tục nuôi 03 con là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 28/02/2011, Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12/8/2013 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 09/5/2016. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con, không ai được cản trở; chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Quá trình giải quyết; anh L, chị H đều cư trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại thời điểm kết hôn (ngày 15/3/2010), anh L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn

(theo Căn cước công dân và các giấy tờ khác thể hiện, anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/8/1991). Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường, đến đầu năm 2023 (thời điểm anh L đã đủ tuổi kết hôn) phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Chị H xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị với anh L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, anh L biết việc chị H làm đơn ly hôn nhưng không hợp tác, không đến Tòa án làm việc. Chứng tỏ anh L không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Tại ý thứ 3 điểm d1 khoản d mục 2 Nghị quyết số 02/2000/ NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

*“d.1. Đối với những trường hợp kết hôn khi một bên hoặc cả hai bên chưa đến tuổi kết hôn là vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9. Tuy nhiên, tùy từng trường hợp mà quyết định như sau:*

.....

*- Nếu đến thời điểm có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật cả hai bên đã đến tuổi kết hôn, trong thời gian đã qua họ chung sống bình thường, đã có con, có tài sản chung thì không quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Nếu mới phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án thụ lý vụ án để giải quyết ly hôn theo thủ tục chung.”*

Do vậy, Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp.

Ngoài ra, việc Ủy ban nhân dân xã Đ thực hiện đăng ký kết hôn cho chị Trần Thị H với anh Nguyễn Văn L khi anh L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn là vi phạm về điều kiện đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Đ xem xét, rút kinh nghiệm việc thực hiện đăng ký kết hôn để tránh tiếp tục vi phạm điều kiện đăng ký theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn L có 03 con là cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 28/02/2011, Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12/8/2013 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 09/5/2016, cả 03 cháu đang sống cùng chị H. Chị H đề nghị được nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Xét đề nghị về việc nuôi con sau khi ly hôn của chị H là tự nguyện, phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết vụ án anh L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Giao cho chị Trần Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 28/02/2011, Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 12/8/2013 và Nguyễn Đức B, sinh ngày 09/5/2016. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003235 ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Song Lưu**